TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **171**/2025/HS-PT.
Ngày: 03/11/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn;

Ông Phạm Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Ông Hứa Minh Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03/11/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (số A, đường N, phường A, thành phố Cần Thơ), xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 187/2025/TLPT-HS ngày 08/10/2025 đối với các bị cáo Huỳnh Văn T và Huỳnh Văn N do có kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T và bị hại Phan Văn Út D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 07/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực X - Cần Thơ.

- *Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:* Huỳnh Văn T; Sinh ngày: 27/7/1990; Nơi sinh: Thành phố Cần Thơ (tỉnh Sóc Trăng cũ); Nơi cư trú: Ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ (ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cũ); Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn T1 và bà Võ Thị H; Có vợ là bà Trương Thị G và 02 người con, người con lớn sinh năm 2013, người con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/3/2025 cho đến nay. (có mặt)

- *Bị cáo bị kháng cáo:* Huỳnh Văn N; Sinh ngày: 20/4/1998; Nơi sinh: Thành phố Cần Thơ (tỉnh Sóc Trăng cũ); Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cũ); Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn M và bà Hồ Thị G1; Có vợ là bà Châu Thanh H1 và 01 người con sinh ngày 21/7/2025; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/4/2025 cho đến nay. (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn T:* Ông Trần Bửu Thịnh Đ - luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố C; Địa chỉ văn phòng: Số C, đường P, phường P, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Bị hại có kháng cáo:* Phan Văn Út D; Sinh ngày: 01/01/1994; Nơi cư trú: ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ (ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cũ). (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Võ Thị H; Sinh ngày: 01/01/1966; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ (Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cũ). (có mặt)

2. Ông Nguyễn Minh Q; Sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ (ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cũ). (vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Minh P; Sinh năm: 1975; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ (ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cũ). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 15 giờ ngày 03/08/2024, bị cáo Huỳnh Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83S6-6630 chở bị cáo Huỳnh Văn N đi trên tuyến Tỉnh lộ 935 hướng từ cầu L về xã T, thành phố Cần Thơ. Khi đến đoạn đường rẽ đi về ấp T, T bật đèn tín hiệu trái rồi sang lề bên trái. Bị hại Phan Văn Út D điều khiển xe máy bán hàng rong chạy theo hướng ngược chiều đến. Do bực tức việc bị cáo T chuyển hướng đi không an toàn, nên D chửi và quay xe lại chặn đầu xe của T nên xảy ra cự cãi. Dễ xuống xe, cầm lấy cây dao cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng rượt đuổi các bị cáo, nên các bị cáo mỗi người chạy bộ mỗi hướng, bị cáo T chạy về hướng cầu L, bị cáo N chạy về hướng xã T. Thấy vậy D liền cầm dao đuổi theo bị cáo T, thấy thế bị cáo N chạy đến chỗ bãi rác gần đó, nhặt một khúc cây gỗ chạy lại đập vào chân chống xe của bị hại, làm xe ngã xuống, đoạn ống sắt dùng làm chân chống xe của bị hại cũng rớt xuống mặt đường, khi thấy xe ngã, bị hại tay đang cầm dao quay lại hướng bị cáo N thì bị cáo N nhặt lấy đoạn ống sắt đánh một cái trúng vào tay phải của bị hại, làm rớt cây dao xuống mặt đường, phần cán dao và lưỡi dao rời ra thành hai phần. Bị hại ôm lấy bị cáo Nhiều rồi vật lộn trên đường lộ, làm rớt cái nón bảo hiểm, chìa khóa xe của bị hại xuống mặt đường. Lúc đó, bị cáo T chạy đến trước cửa trại gà gần đó nhặt được hai thanh gỗ dính vào nhau thông qua cây đinh sắt, bị cáo T đập xuống mặt đường làm hai thanh gỗ rời ra rồi cầm theo chạy lại chỗ của bị cáo N và bị hại đang vật lộn. Thấy bị cáo T chạy đến, bị hại buông bị cáo N ra, rồi bỏ chạy về hướng ruộng. Bị cáo T vứt bỏ một thanh gỗ có cây đinh sắt trên đầu, còn thanh gỗ còn lại thì cầm đuổi theo bị hại đến mé lộ thì dùng thanh gỗ đánh hai cái trúng vào đầu của bị hại. Lúc bấy giờ bị cáo N cầm đoạn ống sắt chạy đến, thấy đầu của bị hại chạy máu nên giật lấy thanh gỗ trên tay của bị cáo T, rồi vứt xuống đường. Bị cáo N cũng vứt đoạn ống sắt trên tay xuống ruộng gần đó. Khi đó, bị hại bị té xuống ruộng thì các bị cáo đuổi theo, nhưng khi thấy bị hại té thì bị cáo N ôm bị cáo T lại, nhưng bị cáo T vẫn dùng chân đạp nhiều cái trúng vào vùng bụng, sườn và chân của bị hại, lúc đó bị hại tiếp tục chửi và dọa các bị cáo, nên các bị cáo tiếp tục đuổi bị hại. Khi thấy bị hại chạy ra giữa đồng thì các bị cáo bỏ về. Sau đó, bị hại được ông Lý Huỳnh L đưa đi cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 466/KLTTCT-TTPYST ngày 24/09/2024 của Trung tâm P1 - Sở Y tế tỉnh S kết luận đối với thương tích của Phan Văn Út D như sau:

1. Các kết quả chính:

- 02 sẹo vùng đỉnh phải, kích thước lớn. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03% và 03%.

- Sẹo 1/3 dưới cẳng tay phải, kích thước nhỏ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01%.

Tổn thương tràn khí màng phổi trái đã được phẫu thuật dẫn lưu, không để lại di chứng (sẹo dẫn lưu màng phổi trái, kích thước trung bình). Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 04% và 02%.

- Sưng nề bàn chân trái không còn di chứng tổn thương. Không xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể.

2. Kết luận khác:

- Tổn thương vùng đỉnh phải và tổn thương tràn khí màng phổi trái có đặc điểm do vật tày gây nên, tổn thương 1/3 dưới cẳng tay phải không rõ tính chất tổn thương nên không xác định được vật gây thương tích.

- Tổn thương vùng đỉnh phải gây mất tóc tạo sẹo lớn gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ, tổn thương nằm ở vùng gây nguy hiểm đến tính mạng.

- Các tổn thương trên không gây cố tật.

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần, xác định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Phan Văn Út D tại thời điểm giám định là 12%.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 07/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực X - Cần Thơ quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T và bị cáo Huỳnh Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 02 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bắt bị cáo để chấp hành án.

3. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 590 của Bộ luật Dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Huỳnh Văn T và Huỳnh Văn N về việc bồi thường cho bị hại Phan Văn Ú Dễ số tiền 43.800.000 đồng. Các bị cáo đã thực hiện bồi thường xong cho bị hại.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

* Ngày 22/8/2025, bị cáo Huỳnh Văn T kháng cáo xin giảm hình phạt, xin hưởng án treo.

* Ngày 22/9/2025, bị hại Phan Văn Út D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Huỳnh Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

- Bị hại Phan Văn Út D giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cụ thể yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo T và N về tội "Giết người" và tội "Cướp tài sản"; buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền 90.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bị hại không có làm đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giải quyết vụ án:

+ Đối với kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích" và căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo T mức án 02 năm tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, bị hại là người có lỗi trước, bị cáo có cha và bà nội là người có công với cách mạng; mức án đã áp dụng đối với bị cáo T là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ bị cáo được hưởng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo nên không có căn cứ giảm hình phạt cho bị cáo hoặc cho bị cáo T hưởng án treo.

+ Đối với kháng cáo của bị hại Phan Văn Út D: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Huỳnh Văn T và Huỳnh Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Không có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo có dấu hiệu của tội "Giết người" và tội "Cướp tài sản". Về trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các khoản yêu cầu bồi thường của bị hại, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ xác định chi phí thực tế, hợp lý theo quy định pháp luật tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các điều 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định tổng số tiền phải bồi thường cho bị hại là 40.075.529 đồng và thực tế các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại tổng số tiền 43.800.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện này và xác định các bị cáo đã thực hiện xong

nghĩa vụ bồi thường là đúng theo quy định của pháp luật. Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền là 90.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T và không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phan Văn Út D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn T: Trong vụ án này, bị hại là người có lỗi trước, bị hại là người chửi các bị cáo, quay xe lại chặn đầu xe và dùng dao rượt đuổi các bị cáo, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt và cha, bà nội của bị cáo T là người có công với cách mạng. Thống nhất việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt đối với bị cáo T là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng đối với bị cáo T quy định tại khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) từ đó chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giảm hình phạt cho bị cáo T ở mức án 01 năm 06 tháng tù và cho bị cáo T hưởng án treo. Đối với kháng cáo của bị hại Phan Văn Út D là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

- Nói lời sau cùng tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Huỳnh Văn T xin lỗi bị hại Dễ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo Huỳnh Văn N xin được ở nhà để nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Minh Q và người làm chứng Nguyễn Minh P vắng mặt không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét sự vắng mặt của họ là không gây cản trở cho việc xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T gửi đến Tòa án qua đường dịch vụ bưu chính theo dấu nơi gửi là ngày 22/8/2025 và Đơn kháng cáo của bị hại Phan Văn Ú Dễ lập và được Giám thị Trại giam P2 ký xác nhận vào ngày 22/9/2025 là đúng quy định của pháp luật về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025). Căn cứ vào các điều 342 và 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021,

2024, 2025), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T và bị hại Phan Văn Út D theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Huỳnh Văn T và Huỳnh Văn N như sau: Vào lúc khoảng 15 giờ ngày 03/8/2024, bị cáo Huỳnh Văn T điều khiển xe mô tô chở theo bị cáo Huỳnh Văn N lưu thông trên tuyến Tỉnh lộ 935, hướng từ cầu L về xã T. Khi đến đoạn rẽ vào ấp T, T bật tín hiệu rẽ trái và sang lề đường bên trái thì gặp bị hại Phan Văn Út D điều khiển xe mô tô bán hàng rong chạy ngược chiều đến. Do bực tức việc T chuyển hướng không an toàn, Dễ chửi mắng, quay xe lại chặn đầu xe của T, dẫn đến hai bên cự cãi. Sau đó, D xuống xe, cầm 01 dao cán gỗ, lưỡi kim loại rượt đuổi T và N, thì T bỏ chạy về phía cầu L, còn N chạy về phía xã T. Lúc này, N thấy D đuổi theo T, thì N nhặt một khúc gỗ tại bãi rác gần đó, đập vào chân chống xe của D làm xe ngã xuống đường; đoạn ống sắt dùng làm chân chống rơi ra. Khi D quay lại, tay vẫn cầm dao, N liền nhặt đoạn ống sắt đánh một cái trúng tay phải của D làm rơi dao xuống đất, phần cán và lưỡi tách rời. Dễ và N vật lộn với nhau làm rơi nón bảo hiểm và chìa khóa xe. Cùng lúc này, T nhặt hai thanh gỗ gắn đinh sắt gần trại gà, đập xuống đường cho rời ra rồi cầm một thanh gỗ quay lại chỗ D và Nhiều. Khi D thấy T chạy đến, D buông N và bỏ chạy, T ném bỏ thanh gỗ có đinh sắt, cầm thanh gỗ còn lại đuổi theo và đánh hai cái trúng đầu D, làm chảy máu. Lúc này, bị cáo N chạy đến, giật thanh gỗ trên tay bị cáo T vứt xuống đường, đồng thời ném bỏ đoạn ống sắt xuống ruộng. Khi bị hại D ngã xuống ruộng, bị cáo T vẫn dùng chân đạp thêm nhiều cái vào vùng bụng, sườn và chân bị hại Dễ. Sau đó, khi thấy bị hại D tiếp tục chửi thì hai bị cáo đuổi theo một đoạn rồi bỏ về. Sau đó, bị hại Dễ sau đó được ông Lý Huỳnh L đưa đi cấp cứu. Theo kết luận giám định, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại D do thương tích gây nên là 12%. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Huỳnh Văn T và Huỳnh Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2025) là căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T, về việc xin giảm hình phạt, xin hưởng án treo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo T là người có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo T, cùng bị cáo N đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 43.800.000 đồng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có cha ruột và bà nội là người có công với cách mạng; bị hại cũng là người có lỗi trong vụ án và từ đó áp dụng đối với bị cáo T các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2025) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo T mức án 02 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, vai trò của bị cáo trong vụ án, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ bị cáo được hưởng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo nên không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo T. Xét mặc dù bị cáo T bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2025) và có nơi cư trú rõ ràng là có đủ điều kiện có thể xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm năm 2017, 2025). Tuy nhiên, trong vụ án này, dù bị hại Dễ có lỗi trước nhưng bị cáo T đã thực hiện hành vi phạm tội rất quyết liệt. Do đó, cần xử lý nghiêm minh đối với bị cáo, việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận cho bị cáo T hưởng án treo.

[5] Xét kháng cáo của bị hại Phan Văn Út D, về việc cho rằng không có làm đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, bị hại D đang chấp hành án tại Trại giam P2. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại D đã xem lại và thừa nhận chữ viết, chữ ký trong Đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 23/7/2025 có xác nhận của Giám thị Trại giam P2 là đúng chữ viết, chữ ký của bị hại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bị hại D là đúng quy định pháp luật tố tụng hình sự.

[6] Xét kháng cáo của bị hại Phan Văn Út D, về việc yêu cầu xử lý các bị cáo T và N về tội "Giết người" và tội "Cướp tài sản": Xét hành vi của các bị cáo T và N dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại Dễ với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12% vào ngày 03/8/2024 là xuất phát từ sự thiếu kiềm chế trong xử sự giữa bị hại với các bị cáo, chính bị hại là người có lỗi trước khi dùng dao rượt đuổi các bị cáo, hành vi của các bị cáo dùng cây gỗ, cây sắt đánh lại bị hại có tính bộc phát nhất thời, không mong muốn tước đoạt tính mạng của bị hại và chính bị cáo N đã giật lấy thanh gỗ trên tay bị cáo T, vứt xuống đường, ngăn cản không cho bị cáo T tiếp tục đánh bị hại nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo T và N về tội "Giết người". Đối với với lời trình bày của bị hại D cho rằng sau khi gây thương tích cho bị hại D, thì các bị cáo T và N đã chiếm đoạt của bị hại D 01 điện thoại di động và số tiền là 950.000 đồng. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ nhưng không chứng minh được có việc các bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự các bị cáo về tội "Cướp tài sản". Về quyết định hình phạt đối với bị cáo T, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T mức án 02 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, vai trò của bị cáo trong vụ án, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo như Hội đồng xét xử phúc thẩm đã nhận định ở trên. Về quyết định hình phạt đối với bị cáo N, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo N là đồng phạm với bị cáo T nhưng bị cáo N giữ vai trò thứ hai trong vụ án, chính bị cáo N đã chủ động ngăn cản bị cáo T tiếp tục đánh bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo N 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, vai trò của bị cáo trong

vụ án, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo N.

[7] Xét kháng cáo của bị hại Phan Văn Út D, về việc yêu cầu các bị cáo T và N bồi thường cho bị hại các khoản tổng số tiền là 90.000.000 đồng: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không đồng ý bồi thường cho bị hại D tổng số tiền 90.000.000 đồng và xác định đã bồi thường xong cho bị hại theo bản án sơ thẩm. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định thiệt hại về sức khỏe của bị hại Dễ gồm các khoản chi phí điều trị thương tích, tiền xe, tiền thu nhập bị mất, chi phí phục hồi sức khỏe và tiền tổn thất tinh thần mà các bị cáo phải bồi thường cho bị hại với tổng số tiền là 40.075.529 đồng có căn cứ, phù hợp Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), các điều 585, 586, 587, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và bị hại thống nhất xác định, các bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại Dễ tổng số tiền 43.800.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại tổng số tiền 43.800.000 đồng và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo và xác định các bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường thiệt hại. Do đó, kháng cáo của bị hại về việc yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tổng số tiền là 90.000.000 đồng là không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[8] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T và không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phan Văn Út D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án: Hội đồng xét xử sơ thẩm tịch thu, tiêu hủy vật chứng của vụ án gồm 07 mảnh gỗ màu nâu bị nứt gãy; 01 thanh gỗ màu đen có kích thước (66x7x1) cm; 01 thanh gỗ màu đen có kích thước (74x5x2,8) cm; 01 cái nón bảo hiểm màu trắng có họa tiết màu đen; 01 lưỡi dao bằng kim loại (không có phần cán dao); 01 cán dao bằng gỗ màu nâu là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2024, 2025). Các vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Cần Thơ) đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/6/2025.

[10] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025); khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Huỳnh Văn T và Huỳnh Văn N, mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Huỳnh Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng. Bị hại Phan Văn Út D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng bị hại có yêu cầu xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị hại D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025).

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn T, về việc xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại Phan Văn Út D, về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đối với bị cáo Huỳnh Văn T.

3. Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; khoản 1 Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đối với bị cáo Huỳnh Văn N.

4. Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Văn T và Huỳnh Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

5. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án phạt tù hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

6. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích" và 04 (bốn) năm thử thách, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 07/8/2025.

Giao bị cáo Huỳnh Văn N cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Huỳnh Văn N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Huỳnh Văn N cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

7. Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025).

- Tịch thu, tiêu hủy vật chứng của vụ án gồm 07 mãnh gỗ màu nâu bị nứt gãy; 01 thanh gỗ màu đen có kích thước (66x7x1) cm; 01 thanh gỗ màu đen có kích thước (74x5x2,8) cm; 01 cái nón bảo hiểm màu trắng có họa tiết màu đen; 01 lưỡi dao bằng kim loại (không có phần cán dao); 01 cán dao bằng gỗ màu nâu (các vật chứng hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - thành phố Cần Thơ quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/6/2025).

8. Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ vào: Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) và các điều 585, 586, 587, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Huỳnh Văn T và Huỳnh Văn N tự nguyện bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại Phan Văn Út D tổng số tiền 43.800.000 đồng (bốn mươi ba triệu, tám trăm ngàn đồng) và các bị cáo đã thực hiện xong việc bồi thường thiệt hại cho bị hại.

9. Về án phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025); khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử buộc các bị cáo Huỳnh Văn T và Huỳnh Văn N, mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Xử buộc bị cáo Huỳnh Văn T chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Bị hại Phan Văn Út D được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

10. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐ, KT 1-TANDTC (01);
- VKSND TP. Cần Thơ (01);
- TAND khu vực X-Cần Thơ (02);
- VKSND khu vực X-Cần Thơ (01);
- CQCSĐT-Công an TP. Cần Thơ (01);
- CQTHAHS-Công an TP. Cần Thơ (01);
- Phòng THADS Khu vực X-TP.Cần Thơ (01);
- UBND, Công an xã T, TP. Cần Thơ (02);
- Bị cáo (02);
- Người bào chữa (01)
- P.GĐ, KT, TTr & THA-TAND TPCT (01);
- Phòng HSNV-Công an TP. Cần Thơ (01);
- Lưu HSVA, THS (04).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vũ